

KẾT QUẢ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ ĐỢT 2 NĂM 2019

STT	Họ và tên	Khối Thi	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI							Ghi chú
						Cơ bản (Triết học)	Cơ sở (CPQT)	Tổng CB+CS	Kết quả NN				
									Đọc -viết	Nghe	Nói	TỔNG	
1	Dương Thu Dương	D1	nữ	15/10/1995	1	5.0	5.5	10.5	51.0	17.5	16.0	84.5	
2	Trương Quang Đạt	D1	nam	20/04/1993	2	7.5	5.5	13.0	49.0	13.5	17.0	79.5	
3	Bùi Minh Đức	D1	nữ	25/10/1997	3	7.0	8.0	15.0	IELTS 6.5				
4	Lê Tuấn Hùng	D1	nam	17/07/1993	4	5.5	---	---	10	---	---	---	
5	Trần Quốc Lượng	D1	nam	05/10/1997	5	6.0	6.5	12.5	52.0	16.5	15.0	83.5	
6	Nguyễn Đức Mạnh	D1	nam	30/11/1993	6	5.5	6.5	12	University of West of England				
7	Nguyễn Hồng Nhung	D1	nữ	15/09/1997	7	6.0	5.5	11.5	45.0	17.5	15.0	77.5	
8	Trần Văn Trường	D1	nam	07/08/1990	8	8.0	7.0	15.0	50.0	14.5	7.0	71.5	
9	Nguyễn Phan Quế Anh	D1	nữ	11/10/1990	9	7.5	5.0	12.5	50.0	17.0	16.0	83.0	
10	Nguy Quốc Dũng	D1	nam	12/03/1985	10	6.0	5.0	11.0	32.0	15.5	14.0	61.5	
11	Lê Chí Đông	D1	nam	20/12/1988	11	6.0	5.0	11.0	38.0	10.0	10.0	58.0	
12	Nguyễn Minh Đức	D1	nam	16/05/1979	12	8.0	5.0	13.0	42.0	11.0	13.0	66.0	
13	Bùi Thị Thu Hà	D1	nữ	28/05/1977	13	7.0	5.5	12.5	40.0	17.0	13.0	70.0	
14	Nguyễn Thị Liên Hương	D1	nữ	24/08/1983	14	7.0	5.5	12.5	47.0	17.0	18.0	82.0	
15	Nguyễn Thị Xuân Hương	D1	nữ	27/04/1976	15	7.0	5.0	12.0	47.0	13.0	10.0	70.0	
16	Nguyễn Triệu Luật	D1	nam	02/07/1978	16	6.5	5.5	12.0	44.0	12.5	8.0	64.5	
17	Trần Thị Thúy Minh	D1	nữ	25/10/1979	17	7.0	5.5	12.5	42.0	14.5	9.0	65.5	
18	Bùi Thị Thanh Nhân	D1	nữ	11/11/1977	18	8.0	5.5	13.5	46.0	16.5	7.0	69.5	
19	Trần Văn Phúc	D1	nam	25/10/1976	19	6.0	5.5	11.5	41.0	14.5	9.0	64.5	
20	Nguyễn Hoàng Sơn	D1	nam	01/01/1978	20	7.0	5.5	12.5	41.0	14.5	8.0	63.5	
21	Dương Hải Sơn	D1	nam	21/03/1996	21	6.5	5.5	12.0	46.0	12.5	8.0	66.5	
22	Nguyễn Thị Thảo Sương	D1	nữ	27/05/1990	22	8.0	5.5	13.5	48.0	13.0	12.0	73.0	



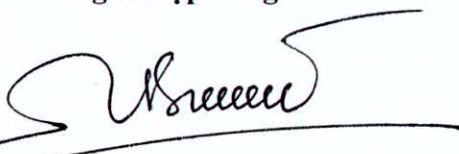
58

STT	Họ và tên	Khối Thi	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI							Ghi chú
						Cơ bản (Triết học)	Cơ sở (CPQT)	Tổng CB+CS	Kết quả NN				
									Đọc -viết	Nghe	Nói	TỔNG	
23	Đông Anh Tuấn	D1	nam	27/01/1973	24	6.0	5.0	11.0	38.0	14.0	7.0	59.0	
24	Nguyễn Thanh Tuấn	D1	nam	02/07/1981	25	6.0	5.0	11.0	46.0	13.0	7.0	66.0	
25	Nguyễn Thị Thảo	D1	nữ	04/12/1985	26	6.5	5.5	12.0	33.0	13.0	10.0	56.0	
26	Phạm Thị Hồng Thi	D1	nữ	13/09/1982	28	6.5	5.5	12.0	42.0	12.0	7.0	61.0	

Ghi chú:

Thí sinh phải đạt điểm 5.0 trở lên theo thang điểm 10 đối với các môn thi Cơ bản và Cơ sở; 50 điểm trở lên theo thang điểm 100 đối với môn Ngoại ngữ thì mới đủ điều kiện xét tuyển./.

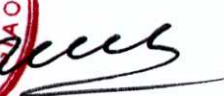
Người lập bảng


Đỗ Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2019



**CHỦ TỊCH HĐQT
 GIÁM ĐỐC**


PGS.TS. Nguyễn Vũ Tùng

